

**Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ vận dụng
phương pháp kế toán chi phí dựa trên mức độ hoạt động trong các doanh nghiệp:
Nghiên cứu thực nghiệm
tại các doanh nghiệp tỉnh Bình Định**

□ TS. Lê Văn Tân*

*Khoa Kinh tế và Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn

Tóm tắt

Bài viết này tập trung nghiên cứu, các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ vận dụng phương pháp kế toán chi phí, dựa trên mức độ hoạt động (ABC - Activity Based Costing), trong các doanh nghiệp (DN) tỉnh Bình Định. Thông qua khảo sát bằng bảng hỏi, được gửi đến 160 DN trên địa bàn tỉnh Bình Định, thuộc nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau. Tác giả đã thu thập, xử lý và kiểm định các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ vận dụng phương pháp ABC, với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 25. Kết quả cho thấy, các nhân tố: Cạnh tranh; Sự hỗ trợ của nhà quản trị (NQT) cấp cao; Điều kiện kỹ thuật; Nhận thức về phương pháp ABC, có ảnh hưởng mạnh đến mức độ vận dụng phương pháp ABC, trong các DN tỉnh Bình Định. Từ đó, đưa ra một số khuyến nghị, nhằm nâng cao mức độ vận dụng phương pháp ABC, trong công tác quản lý tại các DN.

Từ khóa: nhân tố ảnh hưởng, mức độ vận dụng, kế toán chi phí, phương pháp ABC, doanh nghiệp, Bình Định.

Abstract

This paper aims to research the factors that affect the level of ABC method application in Binh Dinh enterprises. Through a survey by questionnaire sent to 160 enterprises in Binh Dinh province in many different fields and industries, the author tested the factors affecting the level of ABC application with the support of the software SPSS 25. The results show the Competitive factor; Support from senior management; Technical conditions; Awareness of ABC method has a strong influence on the application of ABC method in enterprises in Binh Dinh province. From there, some recommendations are made to improve the application of ABC method in management work at enterprises.

Keyword: impact factor, application, ABC method, activity based costing, enterprise, Binh Dinh.

JEL: M11, M21, M40, M49.

Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hậu Covid-19 hiện nay, cùng với sự tác động của Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đã tạo nên những thay đổi về môi trường kinh doanh. Việc ứng dụng các công nghệ sản xuất mới hiện đại, tăng cường tự động hóa cùng với lạm phát ngày càng cao, dẫn đến cơ cấu chi phí của các DN có nhiều sự thay đổi, tỷ trọng các chi phí gián tiếp ngày càng tăng. Hệ thống kế toán chi phí truyền thống với việc tập hợp và phân bổ các chi phí gián tiếp cho các đối tượng chịu phí, theo các tiêu thức như: số giờ lao động trực tiếp, số giờ máy chạy,... không thể hiện được mối quan hệ nhân quả, giữa chi phí gián tiếp được phân bổ với các đối tượng chịu phí, dẫn đến việc phân bổ chi phí và giá thành sản phẩm, dịch vụ thiếu chính xác. Do vậy, việc áp dụng các phương pháp kế toán chi phí hiện đại mà đặc biệt là phương pháp ABC, sẽ cung cấp các thông tin giúp NQT kiểm soát, quản trị chi phí hiệu quả và đưa ra các quyết định kịp thời về giá bán, dòng sản phẩm, thị trường và khách hàng,...

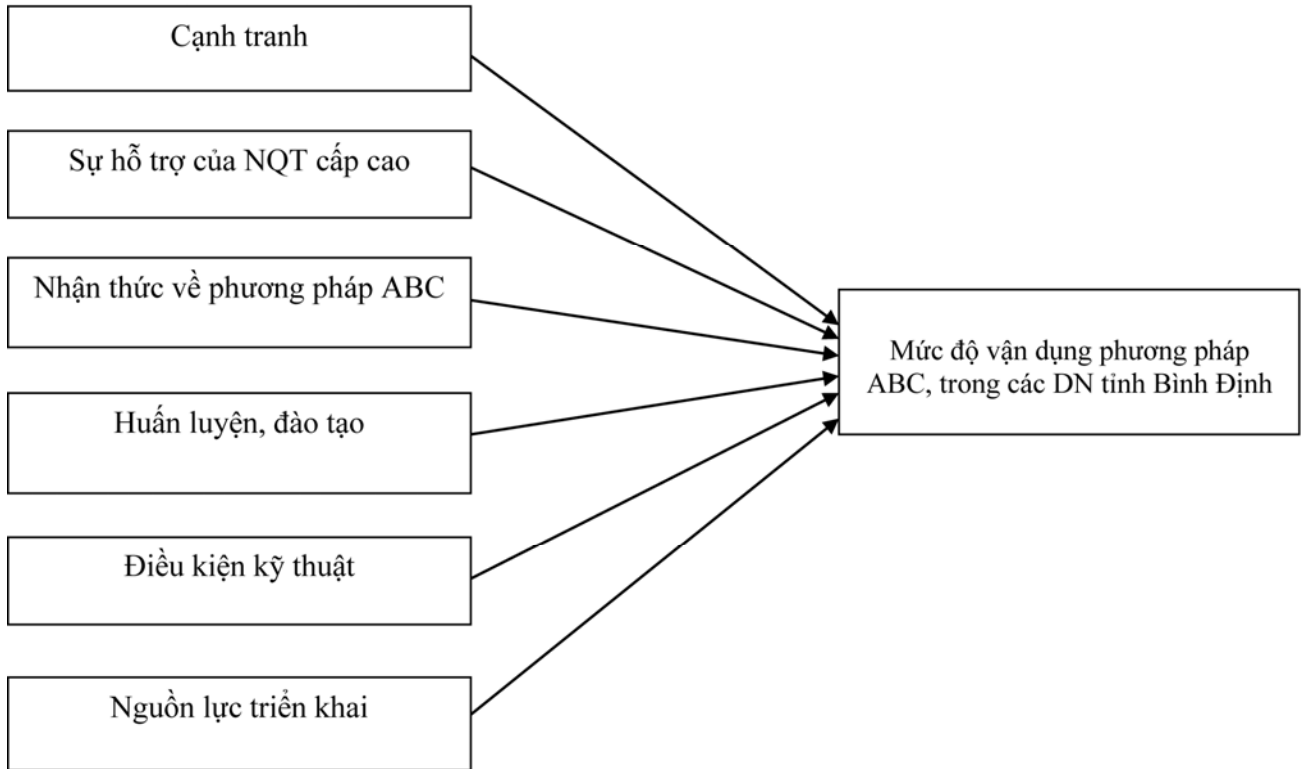
Với những lợi ích thiết thực của phương pháp ABC, các DN tỉnh Bình Định đã vận dụng phương pháp này trong công tác quản trị DN, tuy nhiên mức độ vận dụng còn tương đối thấp và việc vận dụng vẫn còn nhiều lúng túng, hạn chế và vướng mắc. Điều này do nhiều nguyên nhân nhưng một trong những nguyên nhân cơ bản chính là, NQT các DN trên địa bàn tỉnh Bình Định chưa nhận diện và đánh giá mức độ tác động của các nhân tố có ảnh hưởng đến việc vận dụng phương pháp ABC trong DN. Việc nhận diện và xác định được mức độ tác động của nhân tố đến việc vận dụng phương pháp ABC trong DN, sẽ giúp NQT có cơ sở để triển khai áp dụng thành công phương pháp này và nâng cao hiệu quả kinh doanh của đơn vị. Do vậy, bài viết này tác giả sẽ tập trung thu thập dữ liệu, kiểm định và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến mức độ vận dụng phương pháp ABC, trong các DN tỉnh Bình Định.

Mô hình nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu trước có liên quan kết hợp với phỏng vấn sâu các chuyên gia, tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu các nhân tố tác động đến mức độ vận dụng phương pháp ABC trong các DN tỉnh Bình Định, như Hình 1.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



(Nguồn: tác giả đề xuất trên cơ sở tổng quan nghiên cứu và phỏng vấn chuyên gia)

Các giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên nghiên cứu các lý thuyết nền của các nghiên cứu liên quan tại Hình 1, để kiểm định mối quan hệ giữa các nhân tố tác động đến việc vận dụng phương pháp ABC, trong các DN tỉnh Bình Định, tác giả xây dựng các giả thuyết nghiên cứu sau:

Giả thuyết H1: Cạnh tranh có tác động tích cực đến việc vận dụng phương pháp ABC.

Giả thuyết H2: Sự hỗ trợ của NQT cấp cao có tác động tích cực đến việc vận dụng phương pháp ABC.

Giả thuyết H3: Nhận thức rõ về phương pháp ABC có tác động tích cực đến việc vận dụng phương pháp ABC.

Giả thuyết H4: Huấn luyện, đào tạo nhân viên có tác động tích cực đến việc vận dụng phương pháp ABC.

Giả thuyết H5: Điều kiện kỹ thuật thuận lợi sẽ tác động tích cực đến việc vận dụng phương pháp ABC.

Giả thuyết H6: Nhân tố nguồn lực triển khai có tác động tích cực đến việc vận dụng phương pháp ABC.

Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ vận dụng phương pháp ABC, trong các DN tỉnh Bình Định, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với phương pháp nghiên cứu định lượng. Trong đó, phương pháp nghiên cứu định tính với kỹ thuật phỏng vấn chuyên gia là các giám đốc, kế toán trưởng các DN, các nhà nghiên cứu, giảng viên giảng dạy có chuyên môn trong lĩnh vực kế toán quản trị, giúp tác giả xác định các nhân tố, thang đo của các nhân tố tác động đến mức độ vận dụng phương pháp ABC, trong các DN tỉnh Bình Định. Phương pháp nghiên cứu định lượng với kỹ thuật điều tra khảo sát, thông qua phiếu khảo sát sẽ giúp tác giả thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu định lượng, nhằm xác định và đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến mức độ vận dụng phương pháp ABC, trong các DN trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Dựa trên mô hình nghiên cứu đề xuất, các bước của nghiên cứu định lượng được thực hiện gồm: Thiết kế phiếu khảo sát; Xác định mẫu nghiên cứu; Thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu, với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 25. Mẫu nghiên cứu gồm 160 DN tỉnh Bình Định thuộc nhiều lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh khác nhau, mỗi DN được tác giả gửi 01 phiếu khảo sát đến giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng hoặc kế toán viên. Tác giả gửi tất cả 200 phiếu khảo sát, số lượng phiếu thu về 180 và số lượng phiếu khảo sát đạt tiêu chuẩn đưa vào nghiên cứu là 160, trong đó có 73 phiếu dành cho NQT DN và 87 phiếu dành cho kế toán trưởng, kế toán viên.

Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Đánh giá độ tin cậy các thang đo

Từ các dữ liệu thu thập được, tác giả tiến hành mã hóa, nhập dữ liệu vào phần mềm SPSS 25 và thực hiện các kiểm định độ tin cậy thang đo của các nhân tố trong mô hình nghiên cứu, thông qua chỉ tiêu: hệ số Cronbach's Alpha và hệ số tương quan biến tổng. Theo Nguyễn Đình Thọ, (2013), thang đo đạt độ tin cậy khi hệ số Cronbach's Alpha > 0,6 và hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát > 0,3, như Bảng 1.

Bảng 1: Phân tích độ tin cậy của các thang đo

Nhân tố		Trung bình	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến này
Cạnh tranh (CT): Cronbach's Alpha = 0,892				
CT1	Có sự khác biệt lớn về doanh thu tiêu thụ giữa các sản phẩm khác nhau trong DN.	3,81	0,738	0,868
CT2	DN đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ trong thị trường toàn cầu.	3,89	0,772	0,860
CT3	Mức độ cạnh tranh của sản phẩm trong DN tăng đáng kể.	3,68	0,723	0,871
CT4	Mức độ cạnh tranh của các sản phẩm chính của DN trên thị trường rất cao.	3,85	0,736	0,868
CT5	Cạnh tranh về giá giữa các DN trong cùng ngành rất mạnh mẽ.	3,94	0,724	0,873
Sự hỗ trợ của NQT cấp cao (HT): Cronbach's Alpha = 0,848				
HT1	Lãnh đạo hỗ trợ giải quyết các xung đột giữa các bộ phận, khi triển khai phương pháp ABC.	3,14	0,746	0,759
HT2	Lãnh đạo quyết tâm, bắt buộc các bộ phận phải tham gia triển khai phương pháp ABC.	3,05	0,749	0,758
HT3	Lãnh đạo ủng hộ và hỗ trợ nguồn lực triển khai phương pháp ABC.	3,21	0,657	0,842
Nhận thức về phương pháp ABC (NT): Cronbach's Alpha = 0,711				
NT1	Nhận biết được lợi ích của phương pháp ABC.	4,12	0,507	0,649
NT2	Nắm rõ quy trình hoạt động của công ty.	3,81	0,511	0,645
NT3	Nắm rõ lý thuyết phương pháp ABC.	3,86	0,573	0,623
NT4	Nhận định đúng cần phải có một hệ thống kế toán tốt, để đưa ra quyết định tốt.	3,76	0,575	0,621
NT5	Lợi ích phương pháp ABC, đem lại tương xứng với chi phí bỏ ra.	3,76	0,341	0,697
Huấn luyện, đào tạo (HL): Cronbach's Alpha = 0,672				
HL1	Vấn đề huấn luyện, đào tạo được quan tâm ngay từ đầu, nên thúc đẩy việc triển khai phương pháp ABC.	3,95	0,375	0,654
HL2	Quá trình đào tạo thay đổi phù hợp, theo sự phát triển từng bước của phương pháp ABC.	3,98	0,512	0,571
HL3	Nội dung huấn luyện, đào tạo cung cấp kiến thức bổ ích cho nhân viên trong DN.	3,78	0,524	0,554
HL4	Huấn luyện, đào tạo liên tục, ngay cả khi ứng dụng thành công ABC.	3,92	0,412	0,634
Điều kiện kỹ thuật (KT): Cronbach's Alpha = 0,935				
KT1	Các hoạt động được xác định rõ ràng.	4,06	0,954	0,908
KT2	Các hoạt động được nhận diện và tổng hợp thành từng nhóm.	4,17	0,748	0,931
KT3	Chi phí được nhận diện cho từng nhóm hoạt động.	3,90	0,848	0,921
KT4	Các tiêu thức phân bổ chung, được xác định cho từng nhóm hoạt động.	3,71	0,834	0,920
KT5	Tiêu thức phân bổ được xác định hợp lý, cho từng đối tượng tính giá.	4,00	0,793	0,925
KT6	Một hoạt động có thể có nhiều tiêu thức phân bổ.	4,15	0,736	0,932
Nguồn lực triển khai (NL): Cronbach's Alpha = 0,884				
NL1	Phần mềm, máy tính được trang bị đầy đủ, hỗ trợ triển khai phương pháp ABC.	4,04	0,845	0,771
NL2	Ngân sách triển khai phương pháp ABC.	4,11	0,779	0,832
NL3	Có chuyên gia giỏi, nhân viên kế toán có kinh nghiệm về phương pháp ABC.	4,05	0,706	0,834
Mức độ vận dụng phương pháp ABC (MĐ): Cronbach's Alpha = 0,716				
MĐ1	Phương pháp ABC cung cấp thông tin về chi phí chính xác.	3,64	0,594	0,579
MĐ2	Các NQT đánh giá cao về hiệu quả, thông tin cung cấp từ phương pháp ABC.	3,47	0,539	0,631
MĐ3	Các điều kiện kỹ thuật, tổ chức và môi trường thuận lợi cho việc áp dụng.	3,42	0,497	0,677

(Nguồn: tính toán của tác giả)

Dựa vào Bảng 1, cho thấy hệ số Cronbach's Alpha thang đo của các nhân tố đều $> 0,6$ và hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều $> 0,3$, nên thang đo các nhân tố trong mô hình nghiên cứu đều đạt yêu cầu về độ tin cậy.

Phân tích nhân tố khám phá

Sau khi đánh giá độ tin cậy thang đo của các nhân tố, tác giả tiếp tục đánh giá giá trị thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ vận dụng phương pháp ABC trong mô hình nghiên cứu, bằng kỹ thuật phân tích nhân tố khám phá (EFA).

Bảng 2: KMO và Bartlett's Test của biến độc lập

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.	0,776
Bartlett's Test of Approx. Chi-Square	2615,152
Sphericity df	253
Sig.	0,000

(Nguồn: tính toán của tác giả)

Kết quả kiểm định KMO = $0,776 > 0,5$, Bảng 2, thể hiện phân tích nhân tố khám phá là thích hợp với bộ dữ liệu nghiên cứu và mức Sig. của kiểm định Barlett's = $0,000 < 0,05$, có nghĩa các biến quan sát có tương quan trong nhân tố.

Bảng 3: Tổng phương sai được giải thích của biến độc lập

Total Variance Explained

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	5,233	22,753	22,753	5,233	22,753	22,753	4,647	20,202	20,202
2	4,531	19,701	42,454	4,531	19,701	42,454	3,711	16,136	36,338
3	2,523	10,969	53,422	2,523	10,969	53,422	2,493	10,840	47,178
4	2,065	8,980	62,403	2,065	8,980	62,403	2,369	10,300	57,478
5	1,367	5,942	68,345	1,367	5,942	68,345	2,255	9,805	67,283
6	1,273	5,535	73,880	1,273	5,535	73,880	1,517	6,598	73,880

Extraction Method: Principal Component Analysis.

(Nguồn: tính toán của tác giả)

Dựa vào Bảng 3, cho thấy theo tiêu chuẩn Eigenvalue > 1 thì có 06 nhân tố được rút ra và tổng phương sai trích là $73,88\% > 50\%$. Điều này thể hiện, 73,88% thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi 06 nhóm nhân tố.

Từ 26 biến quan sát ban đầu của 06 biến độc lập, sau khi phân tích EFA thì ra kết quả: có 03 biến quan sát có hệ số tải nhân tố $< 0,5$ bị loại, gồm HL3, HL4, NT1; 23 biến quan sát có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,5 nên được giữ lại và được chia thành 06 nhân tố gồm: nhân tố Đặc điểm kỹ thuật gồm 06 biến quan sát; nhân tố Cạnh tranh gồm 06 biến quan sát; nhân tố Nguồn lực triển khai gồm 03 biến quan sát; nhân tố Sự hỗ trợ của NQT cấp cao gồm 03 biến quan sát; nhân tố Nhận thức về phương pháp ABC gồm 03 biến quan sát; nhân tố Huấn luyện, đào tạo gồm 02 biến quan sát.

Bảng 4: Ma trận xoay các nhân tố của biến độc lập
Rotated Component Matrix^a

	Component					
	1	2	3	4	5	6
CT1		0,784				
CT2		0,843				
CT3		0,699				
CT4		0,752				
CT5		0,806				
HT1				0,882		
HT2				0,897		
HT3				0,809		
HL1						0,831
HL2						0,779
KT1	0,975					
KT2	0,843					
KT3	0,883					
KT4	0,866					
KT5	0,852					
KT6	0,824					
NL1			0,935			
NL2			0,906			
NL3			0,847			
NT2					0,713	
NT3					0,842	
NT4					0,785	
NT5		0,628				

Extraction Method: Principal Component Analysis.

Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization.

a. Rotation converged in 5 iterations.

(Nguồn: tính toán của tác giả)

Tiếp tục tiến hành phân tích EFA với 03 biến quan sát của biến phụ thuộc, theo Bảng 5, kết quả $KMO = 0,671 > 0,5$, thể hiện phân tích nhân tố khám phá là thích hợp với bộ dữ liệu nghiên cứu và mức Sig. của kiểm định Barlett's = $0,000 < 0,05$, có nghĩa các biến quan sát có tương quan trong nhân tố.

Bảng 5: KMO và Bartlett's Test của biến phụ thuộc

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.	0,671
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square
	97,475
	df
	3
	Sig.
	0,000

(Nguồn: tính toán của tác giả)

Giá trị phương sai trích bằng 64,581% > 50% và Eigenvalue bằng 1,937 > 1, các biến quan sát trích vào một nhân tố và hệ số tải nhân tố của các biến đo lường đều > 0,5 nên giữ lại cả 03 biến quan sát, để đưa vào phân tích hồi quy bội, theo như Bảng 6.

Bảng 6: Tổng phương sai được giải thích của biến phụ thuộc**Total Variance Explained**

Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1,937	64,581	64,581	1,937	64,581	64,581
0,600	19,984	84,565			
0,463	15,435	100,000			

(Nguồn: tính toán của tác giả)

Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình

Dựa vào Bảng 8, cho thấy kiểm định F có ý nghĩa thống kê với giá trị sig. = 0,000 < 0,05, chứng tỏ mô hình hồi quy xây dựng phù hợp với bộ dữ liệu thu thập được và các biến đưa vào mô hình đều có ý nghĩa về mặt thống kê với mức ý nghĩa 5%, nên bác bỏ giả thuyết H0. Điều này thể hiện, các biến độc lập trong mô hình có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc. R² hiệu chỉnh (Adjusted R Square) bằng 0,632; điều này có nghĩa, 06 biến độc lập trong mô hình giải thích cho 63,2% sự thay đổi của biến phụ thuộc mức độ vận dụng phương pháp ABC trong các DN, trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Kết quả phân tích hồi quy

Từ Bảng 9, phương trình hồi quy các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ vận dụng phương pháp ABC, trong các DN tỉnh Bình Định, có dạng:

$$MĐ = 0,567 + 0,719 CT + 0,155 HT + 0,08 KT + 0,056 NT + \epsilon.$$

Kết quả hồi quy cho thấy, 04 biến độc lập gồm: Cạnh tranh (CT); Sự hỗ trợ của NQT cấp cao (HT); Nhận thức về phương pháp ABC (NT); Điều kiện kỹ thuật (KT) đều có sig. < 0,05, nên cả 04 biến này đều có ảnh hưởng đến mức độ vận dụng phương pháp ABC, trong các DN tỉnh Bình Định. Đồng thời, các hệ số hồi quy của các biến này đều có dấu dương, nên thể hiện 04 biến độc lập này ảnh hưởng tích cực đến việc vận dụng phương pháp ABC, trong các DN tỉnh Bình Định. Trong khi đó, 02 biến Nguồn lực triển khai và Huấn luyện, đào tạo có sig. > 0,05, nên không có ảnh hưởng. Do vậy, các giả thuyết H1, H2, H3, H5 được chấp nhận và giả thuyết H4, H6 bị bác bỏ. Ngoài ra, dựa bảng kết quả

hồi quy ở trên, cho thấy các biến độc lập đều có hệ số VIF < 2, chứng tỏ không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập trong mô hình này.

Thứ nhất, biến Cạnh tranh: dựa vào hệ số hồi quy chuẩn hóa, Cạnh tranh là nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất đến việc vận dụng phương pháp ABC trong các DN tỉnh Bình Định, với hệ số hồi quy chuẩn hóa bằng 0,588, cho thấy khi mức độ cạnh tranh tăng thêm 01 điểm thì mức độ vận dụng phương pháp ABC trong các DN tỉnh Bình Định tăng thêm 0,588 điểm. Điều này thể hiện, khi mức độ cạnh tranh càng tăng thì càng thúc đẩy các DN tỉnh Bình Định xây dựng và triển khai phương pháp ABC trong công tác kế toán chi phí, nhằm xác định chính xác chi phí, giá thành sản phẩm và dịch vụ kinh doanh của đơn vị.

Thứ hai, biến Sự hỗ trợ của NQT cấp cao (HT): nhân tố Sự hỗ trợ của NQT cấp cao với hệ số hồi quy chuẩn hóa bằng 0,159, cho thấy khi sự hỗ trợ và ủng hộ của NQT cấp cao tăng thêm 01 điểm thì mức độ vận dụng phương pháp ABC, trong các DN tỉnh Bình Định tăng thêm 0,159 điểm. Điều này cho thấy, khi có được sự ủng hộ và hỗ trợ tích cực của NQT mà đặc biệt là NQT cấp cao, sẽ thúc đẩy việc triển khai phương pháp ABC trong DN diễn ra nhanh chóng và sớm thành công. Sự hỗ trợ của NQT được thể hiện, thông qua việc họ dành nhiều thời gian, bố trí kinh phí và nhân sự tham gia dự án triển khai phương pháp ABC trong DN. Mặt khác, một khi NQT quyết tâm và tích cực hỗ trợ cho quá trình triển khai thì khả năng thành công sẽ rất cao và khi đưa vào vận hành, sẽ phát huy được hết hiệu quả của công cụ quản trị chi phí hữu ích này.

Thứ ba, biến Điều kiện kỹ thuật (KT): nhân tố Đặc điểm kỹ thuật với hệ số hồi quy chuẩn hóa bằng 0,083, thể hiện khi các điều kiện kỹ thuật để vận dụng phương pháp ABC tăng 01 điểm thì mức độ vận dụng phương pháp ABC trong các DN tỉnh Bình Định sẽ tăng thêm 0,083 điểm. Do vậy, để triển khai áp dụng phương pháp ABC trong công tác kế toán tại đơn vị, đòi hỏi các DN tỉnh Bình Định phải quan tâm, chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật thích hợp.

Thứ tư, biến Nhận thức về phương pháp ABC (NT): nhân tố Nhận thức về phương pháp ABC có hệ số hồi quy chuẩn hóa bằng 0,046, là nhân tố tác động yếu nhất trong 04 nhân tố đã kiểm định. Kết quả này cho thấy, khi nhận thức về phương pháp ABC của NQT cũng như nhân viên tăng 01 điểm thì mức độ vận dụng phương pháp ABC trong các DN tỉnh Bình Định sẽ tăng thêm 0,046 điểm. Điều này thể hiện, cần thiết nâng cao nhận thức của NQT, cán bộ công nhân viên DN, nhằm thúc đẩy việc áp dụng phương pháp ABC, trong công tác quản lý thực tế tại DN.

Các kết quả nghiên cứu này, phù hợp với kết quả nghiên cứu của: Swenson, (1995); Cotton và cộng sự, (2003); James, (2013); Maelah và Ibrahim, (2007); Trần Tú Uyên, (2017),... Do vậy, một lần nữa khẳng định, việc vận dụng phương pháp ABC trong các DN nói chung và DN trên địa bàn tỉnh Bình Định nói riêng, thực sự chịu ảnh hưởng của các nhân tố này.

Kết luận và hàm ý

Từ kết quả nghiên cứu trên, tác giả đề xuất một số khuyến nghị, nhằm nâng cao mức độ vận dụng phương pháp ABC, trong các DN tỉnh Bình Định. Qua đó, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin chi phí của NQT trong việc kiểm soát, quản trị chi phí DN như sau:

Thứ nhất, để tạo điều kiện thuận lợi cho các DN nói chung và DN tỉnh Bình Định nói riêng, xem xét triển khai phương pháp ABC thì các cơ quan chức năng Nhà nước, đặc biệt là Bộ Tài chính cần nên nghiên cứu hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn, về việc áp dụng KTQT trong DN. Đến nay, chỉ mới có một thông tư duy nhất có đề cập đến

KTQT, đó là Thông tư 53/2006/TT - BTC. Nội dung thông tư được Bộ Tài chính ban hành, đã phần nào giải quyết nhu cầu vận dụng KTQT trong DN. Tuy nhiên, thông tư này chỉ đưa ra các hướng dẫn khái quát, thiếu cụ thể và chi tiết về nội dung và cách thức thực hiện nên gây khá nhiều khó khăn cho các DN, khi triển khai áp dụng KTQT. Do vậy, Bộ Tài chính cần nên tiếp tục nghiên cứu bổ sung và đưa ra các hướng dẫn chi tiết, cụ thể về nội dung, cách thức tổ chức KTQT mà đặc biệt là phương pháp ABC trong các loại hình DN khác nhau, nhằm giúp các DN tỉnh Bình Định triển khai phương pháp ABC một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Thứ hai, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng và lành mạnh trong kinh doanh của các DN. Đây là yếu tố quan trọng thúc đẩy việc vận dụng phương pháp ABC, vì khi cạnh tranh bình đẳng thì các DN sẽ cần các thông tin do phương pháp ABC cung cấp để ra các quyết định, nhằm phát huy được lợi thế cạnh tranh của DN.

Thứ ba, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các DN vận dụng phương pháp ABC trong công tác quản trị DN, thông qua việc tuyên truyền và phổ biến các kiến thức về KTQT nói chung và phương pháp ABC nói riêng, đối với các NQT DN, nhân viên kế toán. Đồng thời, cần hỗ trợ và tạo điều kiện để các NQT, các nhân viên kế toán của các DN tỉnh Bình Định được tiếp cận, học hỏi và ứng dụng thành công phương pháp KTQT hiện đại này.

Trong bối cảnh Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đang và sẽ tạo ra những thay đổi lớn trong lĩnh vực tài chính, kế toán và kiểm toán thì việc tổ chức những hội thảo hợp tác với các tổ chức quốc tế cập nhật thông tin kịp thời cho các DN, lãnh đạo các tổ chức đào tạo trong nước là rất cần thiết. Từ những thông tin, xu hướng quốc tế được cập nhật kịp thời, sẽ giúp các DN, các tổ chức đưa ra các kế hoạch hành động bắt kịp với sự phát triển của công nghệ số, cũng như tận dụng được công nghệ để thúc đẩy nhanh chóng sự phát triển của DN.

Thứ tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần nên xem xét đổi mới chương trình đào tạo chuyên ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh theo hướng các học phần, nội dung đào tạo phải gắn với các vấn đề thực tiễn và đáp ứng nhu cầu xã hội. Trong đó, cần xem xét và đưa nội dung phương pháp ABC vào chương trình giảng dạy, đối với sinh viên, học viên của hai chuyên ngành này.

Thứ năm, phương pháp ABC là một phương pháp khá mới với các DN tỉnh Bình Định, nên các nguồn cung cấp kiến thức chuyên sâu như sách báo, hội thảo về phương pháp ABC còn khan hiếm. Hơn nữa, việc thiếu sự ủng hộ của các lãnh đạo cấp cao và sự mâu thuẫn của các bộ phận, phòng ban trong DN, một phần là do việc không hiểu biết về những lợi ích thiết thực mà phương pháp ABC mang lại. Chính vì vậy, rất cần những buổi hội thảo chuyên đề về phương pháp ABC do Hiệp hội DN tỉnh Bình Định, cụ thể Hội Doanh nhân tỉnh đứng ra tổ chức và mời các chuyên gia uy tín đến chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, là một kênh thông tin cũng như một cầu nối chia sẻ, cung cấp những kiến thức cũng như kinh nghiệm ở mức độ cơ bản và chuyên sâu, không những cho nhân viên mà còn cho các lãnh đạo cấp cao trong DN. Việc cung cấp kiến thức, giúp họ xóa bỏ những hoài nghi và rụt rè, e ngại trong việc thực hiện ứng dụng phương pháp quản trị mới này, mà trước đây họ có thể cho là sự lãng phí không cần thiết.

Thứ sáu, để phương pháp ABC có thể triển khai phổ biến trong các DN tỉnh Bình Định thì vai trò của các cơ sở giáo dục đào tạo, mà đặc biệt các trường đại học có đào tạo ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh cần xem xét, đổi mới cập nhật chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng, bằng việc nghiên cứu và đưa vào giảng dạy các kiến thức về

phương pháp kế toán quản trị hiện đại như phương pháp ABC, phương pháp chi phí mục tiêu, thẻ điểm cân bằng,... nhằm cung cấp kiến thức cho các học viên, sinh viên cũng như những đối tượng khác có quan tâm. Qua đó, sẽ góp phần thúc đẩy việc ứng dụng các phương pháp quản trị chi phí hiệu quả này vào trong thực tiễn các DN, chứ không chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu lý thuyết. □

Tài liệu tham khảo

1. Al – Omiri M, (2011), *A survey study of the organizational and behavioural factors influencing the adoption and success of ABC in KSA companies*, *Journal of Cost Management Accounting Research*, Vol 25, No 2, page 29 – 42.
2. Aldukhil Yousef, (2012), *Developing and testing a model of successful adoption of activity based costing*, PhD Thesis, Victoria University.
3. Cotton W. D. J, Jack S.M, Brown R.A, (2003), *Note on a New Zealand replication of Innes et al UK's Activity – Based Costing survey*, *Management Accounting Research*, Vol 14, No 1 page 67-72.
4. Jamaliah Abdul Majid, Maliah Sulaiman, (2008), *Implementation of activity based costing in Malaysia – A case study of two companies*. *Asian Review of Accounting* Vol 16, No 1 page 39 – 55.
5. James A. Brimson, (2013), *Activity Accounting – An Activity – Based Costing Approach*, John Wiley & Sons, Inc.
6. Job D. và Rosebud R, (2014), *Employee training, managerial commitment and the implementation of Activity Based Costing, Impact on performance of SMEs*, *International Business & Economics Research Journal*, Vol 13, page 27 – 52.
7. Krumwiede R. (1998), *The Implementation Stages of Activity – Based Costing and the Impact of Contextual and Organizational Factors*, *Journal of Management Accounting Research*, No 10, page 239 – 277.
8. Maelah R. và Ibrahim D, (2007), *Factors influencing Activity Based Costing (ABC) adoption in manufacturing industry*, *Investment Management and Financial Innovations*, pages 113- 125, Vol. 4 Issue 2, page 113 -124.
9. Nguyễn Việt Hưng, (2016), “*Những nhân tố cản trở đến vận dụng phương pháp phân bổ chi phí ước tính theo mức độ hoạt động vào các DN Việt Nam*”, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Đình Thọ, (2013), “*Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*”, NXB Tài chính.
11. Trần Tú Uyên, (2017), “*Áp dụng phương pháp kế toán theo hoạt động (ABC) để tính chi phí và giá thành sản phẩm tại các Công ty Dược phẩm niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam*”, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Ngoại thương.
12. Swenson Dan, (1995), *The benefits of Activity Based Cost Management to manufacturing industry*, *Journal of Management Accounting Research*, Vol 7, No 4, page 167 - 180.